TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **162**/2026/HS-PT
Ngày: 19/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 05/2026/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K cùng các bị cáo khác về các tội "*Giết người*", "*Gây rối trật tự công cộng*".

Do có kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/11/2009 tại tỉnh Quảng Ngãi (thời điểm phạm tội bị cáo 15 năm 11 ngày tuổi); số CCCD: 051209006778 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 15/11/2023; nơi thường trú: thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Lê N, sinh ngày 30/10/2008 tại tỉnh Quảng Ngãi (thời điểm phạm tội bị cáo 16 năm 17 ngày tuổi); số CCCD: 051208011806 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 23/11/2022; nơi thường trú: thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề

nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến ngày 22/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, đến ngày 06/4/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Huỳnh Tấn D, sinh ngày 26/6/2006 tại tỉnh Quảng Ngãi; số CCCD: 051206003881 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 29/5/2021; nơi thường trú: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1972 và bà Lý Thị Thu H, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến ngày 17/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, đến ngày 05/5/2025 bị bắt tạm giam, đến ngày 27/10/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh cho đến nay; có mặt.

4. Phạm Quang T3, sinh ngày 27/10/2008 tại tỉnh Quảng Ngãi (thời điểm phạm tội bị cáo 16 năm 20 ngày tuổi); số CCCD: 051208009923 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 09/01/2023; nơi thường trú: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 15/10/2024, bị xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 06 tháng theo Quyết định số 278 ngày 15/10/2024 của UBND xã T

Bị cáo bị áp dụng ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2025 cho đến nay; có mặt.

5. Trần Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 15/3/2008 tại tỉnh Quảng Ngãi (thời điểm phạm tội bị cáo 16 năm 08 tháng 01 ngày tuổi); số CCCD: 051208008131 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 03/5/2022; nơi thường trú: thôn X, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hải Đ, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thùy T5, sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2025 cho đến nay; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Tuấn K*.:* ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982 (là bố mẹ đẻ của bị cáo); cùng trú tại: thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; bà O có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Phạm Lê N*.:* ông Phạm Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980 (là bố mẹ đẻ của bị cáo); cùng trú tại: thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; ông T có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Phạm Quang T3*:* bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983 (là mẹ đẻ của bị cáo); trú tại: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Huỳnh Tấn D*:*

1. Ông Kiều Đức K2, Luật sư Công ty L5 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số I N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc T6, Luật sư Văn phòng L6 – Chi nhánh Q1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: thôn D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Quang T3*:* ông Trần Trung H1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T17, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Lê N*:*

1. Bà Tiêu Thị Thu T7 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T17, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Ông Trần Hoàng A1, Luật sư Văn phòng luật sư Tấn Quốc P – Chi nhánh Q1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: C L, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Tuấn K*:*

1. Ông Nguyễn Tài D1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T17, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc B1 và ông Nguyễn Ngọc L, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Văn phòng L7 – Chi nhánh S, B P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; đều có mặt.

- Đại diện tổ chức nơi các bị cáo sinh hoạt tại địa phương:

1. Đại diện trường THPT B2, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì có mâu thuẫn từ trước với nhóm Quốc A2 (không rõ lai lịch, ở thành phố Q cũ), vào tối ngày 16/11/2024, nhóm thanh niên gồm: Trần Nguyễn Đăng K1, Võ Công A3, Phạm Quang T3, Nguyễn Tuấn K, Phạm Lê N, Lâm Nguyễn Thiên A4, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Tấn T8, Đỗ Xuân M, Đoàn Thượng Thanh T9, Đoàn Tuấn K3 và Huỳnh Tấn D mang theo hung khí đi tìm nhóm Quốc A2 để

đánh. Nhóm thanh niên này khi đến thành phố Q (cũ) thì chia ra làm hai nhóm là nhóm T9 và nhóm K1, đi trên nhiều tuyến đường tìm nhóm Quốc A2, cụ thể:

- Nhóm Đoàn Thượng Thanh T9 gồm: Huỳnh Tấn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng, biển kiểm soát 76D1 – 511.93 chở Phạm Lê N ngồi giữa cầm 02 vỏ chai bia D, Nguyễn Tuấn K ngồi sau cầm ná; Đoàn Tuấn K3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu đen, biển kiểm soát 76D1 – 595.59 chở Võ Công A3 ngồi giữa cầm 02 vỏ chai bia Dung Q, Đoàn Thượng Thanh T9 ngồi sau cầm 01 cây dao tự chế (cây dao ráp); Đỗ Xuân M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen - xám, biển kiểm soát 76D1 – 316.79 chở Nguyễn Tấn T8 ngồi sau cầm 01 cây dao tự chế (cây dao ráp) đi trên các tuyến đường T - T - H - P - T – Nguyễn Công P1 – L – Lê Thánh T10.

- Nhóm Trần Nguyễn Đăng K1 gồm: Lâm Nguyễn Thiên A4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 76H1 – 079.82 chở Trần Nguyễn Đăng K1 ngồi sau cầm 01 cây dao phóng lợn; Nguyễn Hữu N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu xám - đen, biển kiểm soát 76D1 – 558.22 chở Phạm Quang T3 ngồi sau cầm 01 cây dao tự chế (dao quan công) đi trên các tuyến đường T – đường sau công viên B – Bà T11 – Đ – Lê Thánh T10.

Nhóm T9 và nhóm K1 đi trên đường L đến khu V, thuộc phường N, thành phố Q (cũ) thì gặp nhau và tập trung lại đi đến quán sinh tố ngay ngã tư L - Q - L tìm nhóm Quốc A2 nhưng không thấy nên cùng đi lên đường Lê L1 – Nguyễn T12 rồi quay lại đường L thì tách ra.

Nhóm K1 đi trước đến gần ngã tư L - V thì gặp 02 thanh niên không rõ lai lịch đi trên xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu xanh (không rõ biển số) đi ngược lại. Nhóm K1 quay xe lại đuổi theo đến ngã tư P - L rẽ trái vào đường P chạy một đoạn thì mất dấu.

Nhóm T9 chạy sau đến gần ngã tư L - V, thấy nhóm K1 đuổi theo hai thanh niên thì nhóm T9 cũng quay lại để đuổi theo. Khi đến ngã tư P - L thì gặp Lưu Xuân L2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám, không rõ biển số chở Bùi Minh H2 và Bảo K4 (không rõ lai lịch) từ trên đường L đi xuống và rẽ vào đường P hướng ra B, nhóm T9 không đi theo nhóm K1 mà đuổi theo L2, L2 điều khiển xe bỏ chạy theo đường P đến ngã tư P - P thì rẽ phải vào đường P. Vừa rẽ qua đường P thì gặp nhóm Trương Hoài N2 (sau đây gọi là nhóm N2) gồm: Đoàn Tấn N3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, không rõ biển số chở Nguyễn Hồng P2 Â cầm 03 vỏ chai bia H, Nguyễn Trung Đ1 điều khiển xe mô tô Honda Airblade, màu đen, không rõ biển số chở Huỳnh Thiên P3 cầm 02 vỏ chai bia, Nguyễn Lê Quốc V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xanh, không rõ biển số chở Phạm Bùi Như L3, Nguyễn Đức T13 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, không rõ biển số chở Trương Hoài N2 cầm 01 (một) cây dao, Thành Đ2 (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, không rõ biển số đi một mình trên đường đang đi tìm đánh nhóm thanh niên không rõ lai lịch (có mâu thuẫn với nhóm của N2). Khi thấy nhóm N2 là nhóm quen biết với L2 nên L2 nói "*Chạy đi chứ có đám đằng sau dí chém*", nhóm L2 và nhóm N2 bỏ chạy qua đường H, đến

ngã tư H - Q – Lê Trung Đ3 thì rẽ trái vào đường Q chạy theo hướng cầu T. Vừa rẽ trái thì nhóm T9 đuổi đến ngay ngã tư, Â ném 02 vỏ chai bia về hướng nhóm của T9 nhưng không trúng ai và tiếp tục chạy theo đường Q đến trước cửa hàng X (địa chỉ số C Q, thuộc tổ D, phường T, thành phố Q cũ) thì không thấy nhóm T9 đuổi theo nên nhóm L2 và nhóm N2 dừng lại trên đường.

Khi nhóm T9 đi tới đường Q, ngay cửa hàng xăng dầu P4 số 1 thì gặp nhóm L2 và nhóm N2 đang dừng tại đây, nhóm T9 dùng dao đuổi chém và ném vỏ chai bia về phía nhóm L2 và nhóm N2, nhóm L2 và nhóm N2 bỏ chạy theo nhiều hướng. Khi bị đuổi chém thì Â giật mình nên nhảy xuống xe và cầm theo 01 vỏ chai bia Heniken chạy bộ lên vỉa hè đường Q đối diện cửa hàng xăng dầu, nhóm T9 vừa chạy bộ, vừa điều khiển xe mô tô chặn đầu và ném vỏ chai bia về phía Â nhưng không trúng. Anh Â chạy bộ ngược lại qua hướng đường Nguyễn Tự T14 rồi vòng lại vào cửa hàng xăng dầu định chạy ra lại đường Q thì bị nhóm T9 chặn đầu nên anh Â chạy phía trước nhà kho bên hông cửa hàng xăng dầu thì đến ngõ cụt. Lúc này, T9 cầm 01 cây dao tự chế chạy đến chỗ anh Â đứng, T9 cầm dao bằng hai tay dơ lên cao và chém về phía anh Â, anh Â đưa tay phải ra đỡ thì trúng một nhát vào cánh tay phải, anh Â bị chém đau nên lùi về sát tường, ngồi xuống và nói *"Em không dám nữa, em không dám nữa"*. Lúc này T8, Công A3, N, M, K cũng xông đến đánh anh Â, Trực tiếp T15 xông đến dùng chân đạp 02 cái vào người Â và dùng dao chém 01 nhát trúng vào chân trái của anh Â; T8 cầm dao đến nhưng không chém mà dùng chân đạp Â; Võ Công A3 dùng chân đạp anh Â; Phạm Lê N dùng vỏ chai bia Dung Q đánh vào đầu anh Â và dùng tay, chân đánh vào người anh Â; K dùng tay, chân đánh vào người anh Â và dùng bình chữa cháy gần đó ném vào người anh Â rồi cả nhóm bỏ đi ra ngoài. Phạm Lê N đưa vỏ chai bia cho K3 thì K3 cầm vỏ chai bia ném về phía anh Â nhưng không trúng. Khi tất cả đi ra thì bên ngoài thì Trực tiếp T15 cầm dao chạy vào chỗ anh Â, Võ Công A3 chạy theo lôi T9 lại nhưng không lôi được. T9 cầm dao bằng hai tay và đưa dao lên cao nói *"mày thích chém em tao không, mày thích chém em tao không"*, vừa nói T9 vừa vung dao lên chém từ trên xuống hướng về phía của anh Â, anh Â đưa hai tay đỡ và nói *"không phải em, không phải em",* T9 vẫn cầm dao bằng hai tay chém anh Â nhiều nhát theo hướng từ trên xuống, anh Â vừa dùng tay đỡ, vừa né dao thì trúng vào cả hai tay và trúng vào vùng ngực bên trái gần mạng sườn trái, K dùng ná bắn anh Â nhưng không trúng, còn D ngồi trên xe mô tô chờ cả nhóm đánh xong thì cùng cả nhóm bỏ đi.

Khi nhóm của N2 bỏ chạy, Huỳnh Thiên P3 chở Nguyễn Trung Đ1 chạy thẳng đường Q - T - T - H – Phan Đình P5 rồi đến tiệm tạp hóa trên đường T thì dừng lại. Cả hai rủ nhau quay lại cửa hàng xăng dầu tìm anh Â, P3 chở Đ1 rẽ qua đường P hướng ra ngã tư P - N

Nhóm Trần Nguyễn Đăng K1 gồm Trần Nguyễn Đăng K1, Lâm Nguyễn Thiên A4, Nguyễn Hữu N1, Phạm Quang T3 đuổi theo không kịp hai thanh niên đi xe Raider nên đi thẳng đường P ra đường T – vòng xoay B - Q - Lê Thánh T10 – Phạm Văn Đ4 – Nguyễn N4, đến ngã tư N - P thì nhìn thấy anh P3 đang điều khiển xe chở anh Đ1 đi ngược lại nên A4 điều khiển xe chở K1 chạy thẳng về phía xe P3 và Đ1, P3 chạy xe lên lề đường thì Đ1 nhảy xuống xe chạy bộ đến ngã

tư P - N Nhóm K1 đuổi theo anh Đ1: A4 điều khiển xe chở K1 cầm dao phóng lợn chạy trước đuổi theo, T3 xuống xe cầm dao chạy bộ và N1 điều khiển xe đi một mình đuổi theo phía sau. Khi đến ngã tư P - N thì anh Đ1 bị A4 và K1 đuổi kịp, khi vượt qua được anh Đ1, K1 ngồi sau xe mô tô quay lưng lại cầm 01 cây dao phóng lợn chém một nhát từ trên chém xuống trúng vào đầu của Đ1, T3 chạy bộ đến cầm dao chém vào người của Đ1, dùng chân đạp vào người anh Đ1 rồi lên xe bỏ đi. Đ1 chạy bộ về lại tiệm tạp hóa trên đường T, sau đó được bạn chở đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q.

Ngày 25/11/2024, Trung pháp y tỉnh Q có kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 410/KLTTCT-TTPY kết luận đối với thương tích của Nguyễn Hồng Phúc Â: Gãy đầu dưới xương cánh tay phải: 23%; Gãy đầu trên xương chày trái: 13%; Gãy xương bàn 4 bàn tay phải: 08%; Gãy xương bàn 4 bàn tay trái: 08%;- Mỏm cụt ngón 5 bàn tay trái (mất ngón 5): 07%; Vết mổ qua vết thương khâu nối gân gấp ngón 3,4 và gân duỗi ngón 4 bàn tay trái: 03%.

Tổng tỷ lệ: 49% (Áp dụng phương pháp cộng tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y).

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hồng Phúc Â tại thời điểm giám định là: **49%**.

- Kết luận khác: Các tổn thương trên phù hợp vật sắc gây thương tích; Tại thời điểm giám định chưa đánh giá được các vết thương phần mềm khác nên chưa xếp tỷ lệ.

Ngày 13/12/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Q có kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống (bổ sung) số: 422/KLTTCT-TTPY đối với thương tích của Nguyễn Hồng Phúc Â: Sẹo mổ qua vết thương vùng ngực trái kích thước (7x0,5)cm: 03%; Sẹo mổ qua vết thương 1/3 dưới cánh tay phải kích thước (8x0,5)cm: 03%; Sẹo 1/3 giữa cẳng chân trái kích thước (2x0,1)cm: 01%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể giám định lần đầu: **48,85%**.

Tổng tỷ lệ hai lần giám định: **52%**. Áp dụng phương pháp cộng tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hồng Phúc Â tại thời điểm giám định là: **52%**.

- Kết luận khác: Các tổn thương giám định bổ sung phù hợp vật sắc gây thương tích.

Ngày 10/12/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Q có kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 418/KLTTCT-TTPY đối với thương tích của Nguyễn Trung Đ1, kết luận: Sẹo vùng trán – đỉnh phải kích thước (6x0,1)cm: 06%; Sẹo vùng trán phải kích thước (1x0,5)cm: 03%.

Tổng tỷ lệ: 09%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Trung Đ1 tại thời điểm giám định là: **09%**.

- Kết quả khác: Các tổn thương giám định bổ sung phù hợp vật sắc gây thương tích.

Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Trung Đ1 đã rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q không xem xét hành vi "*Cố ý gây thương tích*" của Lâm Nguyễn Thiên A4, Nguyễn Hữu N1, Phạm Quang T3 và Trần Nguyễn Đăng K1. Tuy nhiên hành vi này là hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự", quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã có Công văn đề nghị Phòng C2 - Công an tỉnh Q ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lâm Nguyễn Thiên A4, Nguyễn Hữu N1, Phạm Quang T3 và Trần Nguyễn Đăng K1 về hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Trung Đ1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST ngày 26/11/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định: tuyên bố các bị cáo Huỳnh Tấn D, Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K phạm tội "*Giết người*"; các bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Quang T3 phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 119, khoản 3 Điều 120 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

- Xử phạt bị cáo Phạm Lê N 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 119, khoản 3 Điều 120 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 03 *(ba)* năm tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, 17; Điều 38; Điều 54, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn D 02 năm 06 tháng tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến ngày 17/02/2025 và từ ngày 05/5/2025 đến ngày 27/10/2025;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

- Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1 03 *(ba)* năm tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang T3 03 *(ba)* năm tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2025, bị cáo Phạm Lê N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 09/12/2025, bị cáo Nguyễn Tuấn K và người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị O kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

Ngày 09/12/2025, bị cáo Huỳnh Tấn D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 10/12/2025, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quang T3 là bà Nguyễn Thị T4 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Ngày 11/12/2025, bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo có kháng cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tấn D, Trần Nguyễn Đăng K1 và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quang T3 là bà Nguyễn Thị T4. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với các bị cáo.

+ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn K5 là ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giảm hình phạt cho các bị cáo; cân nhắc mức hình phạt giữa bị cáo N và bị cáo K5 cho phù hợp, công bằng.

Những người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá

nghiêm khắc. Khi phạm tội, các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức có phần hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tinh thần của Luật Tư pháp người chưa thành niên và giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Lê N và bị cáo Nguyễn Tuấn K còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Huỳnh Tấn D, Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K, Trần Nguyễn Đăng K1; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Tấn K5, Phạm Quang T3 kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các chủ thể kháng cáo trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.1]. Về tội danh:

Mặc dù không có mâu thuẫn gì với anh Nguyễn Hồng Phúc Â (sinh ngày 21/2/2009) nhưng vào đêm ngày 16/11/2024, các bị cáo Đoàn Thượng Thanh T9, Huỳnh Tấn D, Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K, Đoàn Tuấn K3, Võ Công A3, Đỗ Xuân M, Nguyễn Tấn T8 đã đuổi theo chặn đánh anh Â. Khi anh Â chạy vào ngõ cụt thì bị T9 dùng hai tay cầm 01 cây dao tự chế chém về phía anh Â, anh Â đưa tay ra đỡ thì trúng một nhát vào cánh tay phải, bị chém, anh Â ngồi xuống và nói *"Em không dám nữa, em không dám nữa"*. Lúc này, T8, Công A3, N, M, K cũng xông đến đánh anh Â; Trực tiếp tục xông đến dùng chân đạp 02 cái vào người Â và dùng dao chém 01 nhát trúng vào chân trái của anh Â; T8 và A3 dùng chân đạp anh Â; Phạm Lê N dùng vỏ chai bia Dung Q đánh vào đầu anh Â và dùng tay, chân đánh vào người anh Â; K dùng tay, chân đánh vào người anh Â và dùng bình chữa cháy ném vào người anh Â rồi cả nhóm bỏ đi ra ngoài. Khi tất cả đi ra bên ngoài thì Trực tiếp T15 cầm dao chạy quay lại chỗ anh Â rồi vung dao lên chém từ trên xuống hướng về phía anh Â, anh Â đưa hai tay đỡ và nói "*không phải em, không phải em*" nhưng T9 vẫn cầm dao bằng hai tay chém anh Â nhiều nhát theo hướng từ trên xuống, anh Â vừa dùng tay đỡ, vừa né dao thì trúng vào cả hai tay và vào vùng ngực gần mạng sườn trái, K vào dùng ná bắn anh Â nhưng không trúng, còn D ngồi trên xe mô tô chờ cả nhóm đánh xong thì cùng cả nhóm bỏ đi. Hậu quả anh Nguyễn Hồng Phúc Â bị tổn thương cơ thể với tỉ lệ 52%.

Cùng lúc đó, Trần Nguyễn Đăng K1, Lâm Nguyễn Thiên A4, Nguyễn Hữu N1, Phạm Quang T3 mang theo dao phóng lợn, dao quan công, cùng với nhóm của T9 đi tìm nhóm Quốc A2 để đánh. Đến khu Q - L thì thấy nhóm thanh niên

nên đuổi theo, đến gần khu vực V1 thì tách khỏi nhóm của T9. Khi nhìn thấy anh P3 đang điều khiển xe chở anh Đ1 đi ngược lại thì A4 điều khiển xe chở K1 chạy thẳng về phía xe P3 và Đ1. A4 điều khiển xe chở K1 cầm dao phóng lợn, T3 xuống xe cầm dao chạy bộ và N1 điều khiển xe đi một mình đuổi theo phía sau. Khi đuổi kịp anh Đ1, K1 ngồi sau xe mô tô quay lưng lại cầm 01 cây dao phóng lợn chém một nhát từ trên chém xuống trúng vào đầu của Đ1, T3 chạy bộ đến cầm dao chém vào người của Đ1, dùng chân đạp vào người anh Đ1 rồi lên xe bỏ đi. Anh Nguyễn Trung Đ1 bị tổn thương cơ thể với tỉ lệ 09%.

Với các hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Huỳnh Tấn D, Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K "*Giết người*" theo điểm b, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Quang T3 "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, thấy rằng:

Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhặt, không rõ ràng với nhóm thanh niên khác (không rõ lai lịch) mà các bị cáo tụ tập băng nhóm, rủ rê lôi kéo, chuẩn bị hung khí đánh nhau, di chuyển bằng nhiều xe mô tô trên nhiều tuyến đường lúc đêm khuya trên địa bàn thành phố Q (cũ) để tìm đánh nhóm thanh niên đã mâu thuẫn với nhóm mình trước đó. Khi gặp hai nhóm thanh niên khác không quen biết, nhóm của Đoàn Nguyễn Thanh T16 trong đó có Huỳnh Tấn D, Nguyễn Tuấn K, Phạm Lê N đã đuổi theo, dùng vỏ chai bia tấn công. Khi bị rượt đuổi vào ngõ cụt, mặc dù anh Nguyễn Hồng Phúc Â đã cầu xin nhưng các bị cáo vẫn dùng dao tự chế, vỏ chai bia, chân, tay, ná tấn công anh Â. Trong đó, Phạm Lê N dùng chân, tay đánh vào người và dùng vỏ chai bia đánh vào đầu anh Â; Nguyễn Tuấn K dùng tay, chân đánh, dùng ná bắn và dùng bình cứu hoả ném vào người anh Â; Huỳnh Tấn D là người chở N đi và đứng chờ. Sau đó cả nhóm bỏ đi, anh Â bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 52%.

Ở nhóm khác, Trần Nguyễn Đăng K1 ngồi xe do A4 chở, Phạm Quang T3 ngồi xe do N1 chở, các bị cáo đều cầm theo dao di chuyển trên nhiều tuyến đường thuộc thành phố Q (cũ). Khi thấy nhóm thanh niên khác, các bị cáo đuổi theo đánh rồi K1, T3 dùng dao chém gây thương tích cho anh Nguyễn Trung Đ1.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và Huỳnh Tấn D thể hiện tính côn đồ, coi thường pháp luật, xâm phạm đến sức khoẻ, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi bị các bị cáo tấn công, anh Nguyễn Hồng Phúc Â chưa đủ 16 tuổi; hành vi của Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Quang T3 làm mất an toàn giao thông, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và Huỳnh Tấn D phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân

công bàn bạc; Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K tham gia với vai trò người thực hành, Phạm Tấn D2 tham gia với vai trò giúp sức, không trực tiếp tác động vào cơ thể bị hại, hậu quả chết người chưa xảy ra, các bị cáo phạm tội chưa đạt; Trần Nguyễn Đăng K1 và Phạm Quang T3 là người thực hành tích cực, tập hợp băng nhóm gây náo loạn đường phố; Phạm Quang T3 có nhân thân xấu, từng bị xử lý hành chính bằng Biện pháp giáo dục tại xã nhưng không lấy đó làm bài học tư dưỡng mà tiếp tục phạm tội.

Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và Huỳnh Tấn D đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; gia đình các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tấn K5 có công với cách mạng; Huỳnh Tấn D, Phạm Lê N có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Tuấn K chưa đủ 16 tuổi; Phạm Lê N, Phạm Quang T3, Trần Nguyễn Đăng K1 chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và Huỳnh Tấn D các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng cho các bị cáo Phạm Quang T3, Trần Nguyễn Đăng K1 các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét áp dụng cho các bị cáo Nguyễn Tuấn K, Phạm Lê N, Phạm Quang T3, Trần Nguyễn Đăng K1 quy định tại các Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trên cơ sở xem xét toàn diện vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt Nguyễn Tuấn K 03 năm tù, Phạm Lê N, Huỳnh Tấn D mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "*Giết người*"; Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Quang T3 mỗi bị cáo 03 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*". Mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự và phù hợp với quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên cũng như công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2.3]. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Tấn D, Trần Nguyễn Đăng K1 cũng như người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quang T3 không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới có ý nghĩa nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với cáo bị cáo Huỳnh Tấn D, Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Quang T3 như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K: các bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện các bị cáo có sự quan tâm, thăm hỏi đối với bị hại Nguyễn Hồng Phúc Â; các bị cáo đã tác động gia đình hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền 6.000.000đ nên đã được bà Đoàn Thị L4 là mẹ ruột của bị hại xác nhận và viết Đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Phạm Lê N nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo tích cực tham gia các hoạt động Đoàn tại trường Trung học phổ thông B2, tỉnh Quảng Ngãi và được Ban, Ban 1 xác nhận.

Xét thấy, tài liệu mà các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K cung cấp tại phiên toà phúc thẩm thể hiện thái độ thật sự ăn năn, hối cải của các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, K và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo K; giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo sớm có cơ hội trở lại làm người công dân có ích cho xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà; đồng thời, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc mức hình phạt giữa bị cáo Nguyễn Tuấn K và Phạm Lê N cho phù hợp, công bằng, bởi lẽ các bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong vụ án, khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Tuấn K 15 năm 11 ngày tuổi, Phạm Lê N 16 năm 17 ngày tuổi.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Tấn D, Nguyễn Đăng K1 và bà Nguyễn Thị T4 đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quang T3 phải chịu theo quy định; các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tấn D, Trần Nguyễn Đăng K1 và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Quang T3 là bà Nguyễn Thị T4. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

- Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1 03 (ba) năm tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang T3 03 (ba) năm tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, 17; Điều 38; Điều 54, Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án,

được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến ngày 17/02/2025 và từ ngày 05/5/2025 đến ngày 27/10/2025;

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Lê N, Nguyễn Tuấn K và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn K5 là ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HSST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Áp dụng điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 54; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 119, khoản 3 Điều 120 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 02 (hai) năm tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 119, khoản 3 Điều 120 Luật Tư pháp người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Phạm Lê N 02 (hai) năm tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/12/2024 đến ngày 22/01/2025.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Huỳnh Tấn D, Trần Nguyễn Đăng K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên